C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5856\wps1.png

***Tuần: 19 Ngày soạn: 10/01/2021***

***Tiết: 73 Ngày dạy: 11/01/2021***

**§9. QUY TẮC CHUYỂN VẾ**

**1. MỤC TIÊU :**

1.1) KT: HS hiểu các tính chất : Nếu a = b thì a + c = b + c và ngược lại ; Nếu a = b thì b = a, quy tắc chuyển vế.

1.2) KN: vận dụng thành thạo quy tắc chuyển vế và tính chất trên

1.3) TĐ: Rèn tính cẩn thận, chính xác

**2. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

Gợi mở, vấn đáp, nêu tình huống có vấn đề,...

**3. CHUẨN BỊ**

3.1) GV: Bảng phụ, thước kẻ.

3.2) HS xem lại quy tắc dấu ngoặc .

**4. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**4.1) Ổn định tổ chức: 1ph**

**4.2) Kiểm tra bài cũ : 6 ph**

-Phát biểu quy tắc dấu ngoặc

-Bài tập 60/85sgk

|  |  |
| --- | --- |
| a) ( 27+65) + (346 - 27 - 65)  = 27 + 65 + 346 - 27 - 65 = 346 | b) ( 42 - 69 + 17 ) - ( 42 + 17 )  = 42 - 69 +17 - 42 - 17 = - 69 |

**4.3)Tiến trình bài học**

Nếu A + B + C = D thì A + B = D – C. Đẳng thức này có đúng không?

***1.Hoạt động 1(10 phút): Tính chất của đẳng thức***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Hoạt động của GV*** |
| **-**Tính chất sgk/86 | - Khi cân thăng bằng, nếu đồng thời cho vào hai bên đĩa cân hai vật như nhau thì cân vẫn thăng bằng.  -Nếu bớt hai lượng bằng nhau thì cân cũng vẫn thăng bằng.  - Chú ý | -Có 1 cân đĩa, đặt lên 2 đĩa cân 2 nhóm đồ vật sao cho thăng bằng.Tiếp tục đặt lên mỗi đĩa 1 quả cân 1 kg.  ? Ngược lại đồng thời bỏ từ hi đĩa cân 2 quả cân 1 kg hoặc 2 khối lượng bằng nhau à rút ra kết luận.  - Giáo viên giới thiệu các tính chất như SGK |
| ***2. Hoạt động 2(5 phút):Ví dụ*** | | |
| ***Nội dung*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Hoạt động của GV*** |
| Tìm số nguyên x, biết :  x - 2= -3  Giải.  x- 2 = -3  x - 2 + 2 = -3 + 2  x = -3 + 2  x = -1  ?2 Tìm số nguyên x, biết:  x + 4 = -2  Giải.  x + 4 = -2  x + 4 + (-4) = -2 + ( -4)  x = -2 + (-4)  x = -6 | - Quan sát trình bày ví dụ của GV  a = b thì a + c = b + c | - Giới thiệu cách tìm x, vận dụng các tính chất của bất đẳng thức  Ta đã vận dụng tính chất nào ?  -Yêu cầu HS làm ?2 |
| ***Hoạt động 3 (15 phút): Quy tắc chuyển vế*** | | |
| ***Nội dung*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Hoạt động của GV*** |
| \*Quy tắc/86sgk  Ví dụ: SGK  a. x - 2 = -6  x = - 6 + 2  x = -4  b. x - ( -4) = 1  x + 4 = 1  x = 1 - 4  x = -3  ?3. x + 8 = (-5) + 4  x + 8 = -1  x = -1 - 8  x = -9  *Nhận xét/86 sgk* | - Phát biểu quy tắc chuyển vế : Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia ...  - Đọc ví dụ trong SGK và trình bày vào vở.  - Ta có x = a + (-b)  - Phép trừ là phép toán ngược của phép cộng | Chỉ vào phép biến đổi   |  |  | | --- | --- | | x - 2 = 3 | x + 4 = - 2 | | x = 3 + 2 | x = - 2 - 4 |   ? Em có nhận xét gì khi chuyển vế 1 số hạng từ vế này sang vế kia  -Yêu cầu Hs làm ?3  - Với x + b = a thì tìm x như thế nào ?  - Phép trừ và cộng các số nguyên có quan hệ gì ? |

**5. Tổng kết và hướng dẫn học tập: 6 ph**

**5.1) Tổng kết:**

-Yêu cầu HS phát biểu lại quy tắc chuyển vế .

- Bài tập 61/87 sgk

|  |  |
| --- | --- |
| a) 7 - x =8 - ( - 7)  7 - x = 8 +7  x = -8 - 7 + 7  x = - 8 | b) x - 8 = (-3) - 8  x = - 3 - 8 + 8  x = -3 |

Dùng bảng phụ ghi bài tập: câu nào đúng, câu nào sai

|  |  |
| --- | --- |
| a) x - 12 = (-9) - 15  x = - 9 + 15 + 12 | a) sai |
| b) 2 - x = 17 - 5  - x = 17 - 5 + 2 | b) sai |

**5.2)Hướng dẫn tự học: 2 ph**

- Học thuộc các tính chất đẳng thức và quy tắc chuyển vế, xem các chú ý.

- Bài tập 62à 64/ 87sgk

- Giờ sau luyện tập

***Tuần: 19 Ngày soạn: 10/01/2021***

***Tiết: 74 Ngày dạy: 11/01/2021***

**LUYỆN TẬP QUY TẮC CHUYỂN VẾ**

**1. MỤC TIÊU :**

1.1) KT: HS làm thành thạo quy tắc chuyển vế và vận dụng các tính chất vào giải toán.

1.2) KN: Vận dụng thành thạo quy tắc chuyển vế và tính chất trên

1.3) TĐ: Rèn tính cẩn thận, chính xác

**2. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

Gợi mở, vấn đáp, nêu tình huống có vấn đề,...

**3. CHUẨN BỊ**

3.1) GV: Bảng phụ, thước kẻ.

3.2) HS xem lại quy tắc dấu ngoặc .

**4. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**4.1) Ổn định tổ chức: 1ph**

**4.2) Kiểm tra bài cũ : 6 ph**

-Phát biểu quy tắc dấu ngoặc

Làm bài 66 ( SGK trang 87 toán 6 tập 1)

Tìm số nguyên x, biết: 4 - (27 - 3) = x - (13 - 4)

Bài giải:

4 - (27 - 3) = x - (13 - 4)

4 - 24         = x - 9

(-20)          = x - 9

(-20) + 9    = x

    -11         = x

hay x = -11

Đáp số:  x = -11

**4.3)Tiến trình bài học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Hoạt động của GV*** |
| Bài 67 ( SGK trang 87 toán 6 tập 1)  Tính:   1. (-37) + (-112); 2. b) (-42) + 52; 3. c) 13 - 31; 4. 14 - 24 - 12; 5. e) (-25) + 30 - 15.   Bài 68 ( SGK trang 87 toán 6 tập 1)  Một đội bóng đá năm ngoái ghi được 27 bàn và để thủng lưới 48 bàn. Năm nay đội ghi được 39 bàn và để thunge lưới 24 bàn. Tính hiệu số bàn thắng - thua của đội đó trong mỗi mua giải.  Bài giải:  Hiệu số bàn thẳng thua năm ngoái là: 27 - 48 = -21.  Hiệu số bàn thắng thua năm nay là: 39 - 24 = 15.  Bài 70 ( SGK trang 88 trang 88 toán 6 tập 1)  Tính các tổng sau một cách hợp lí:  a) 3784 + 23 - 3785 - 15;  b) 21 + 22 + 23 + 24 - 11 - 12 - 13 - 14.  Bài giải:   a)     3784 + 23 - 3785 - 15 . Áp dụng tính chất giao hoán ta có:  = (3784 - 3785) + (23 - 15)  =         -1            +    8  =                    7    b) 21 + 22 + 23 + 24 - 11 - 12 - 13 - 14. Áp dụng các tính chất giao hoán và kết hợp ta có:  = (21 - 11) + (22 - 12) + (23 - 13) + (24 - 14).  =      10      +     10       +      10      +    10  =                                 40  Đáp số: a) 7; b) 40.  Bài 71 ( SGK trang 88 toán 6 tập 1)  Tính nhanh:  a) -2001 + (1999 + 2001);  b) (43 - 863) - (137 - 57).  ĐS: a) 1999; b) -900  Bài 72 ( SGK trang 88 toán 6 tập 1)  Vậy phải chuyển 6 từ nhóm II sang nhóm I. | - HS hoạt động nhóm  Đáp số:   1. -149; 2. b) 10;   c) -18;  d) -22;  e) -10.  Hai HS lên bảng trình bày  Áp dụng các tính chất giao hoán và kết hợp  Hai Hs trình bày lời giải  HS: a) Bỏ dấu ngoặc rồi đổi chỗ để số hạng 2001 đứng liền -2001.  b) Thực hiện các phép tính trong ngoặc trước.  HS: Trước hết hãy tính tổng trong mỗi nhóm. Vì chỉ được chuyển một tấm bìa nên hiển nhiên phải chuyển một tấm bìa ghi số dương từ tổng lớn nhất sang tổng bé nhất hoặc một tấm bìa ghi số âm từ tổng bé nhất sang tổng lớn nhât. | -Bài 67 ( SGK trang 87 toán 6 tập 1)  GV cho HS hoạt động nhóm  Bài 68 ( SGK trang 87 toán 6 tập 1)  GV yêu cầu tính hiệu số bàn thắng - thua của đội đó trong mỗi mua giải.  Bài 70 ( SGK trang 88 trang 88 toán 6 tập 1)  - Nêu các tính chất áp dụng?  Bài 71 ( SGK trang 88 toán 6 tập 1)  - Nêu cách tính nhanh?  Bài 72 ( SGK trang 88 toán 6 tập 1)  Đố: Cho chín tấm bìa  có  ghi số và chia thành ba nhóm như hình 51. Hãy chuyển một tấm, bìa từ nhóm này sang nhóm khác sao cho tổng các số trong mỗi nhóm đều bằng nhau. |

**5. Tổng kết và hướng dẫn học tập: 2 ph**

**5.1) Tổng kết:**

-Yêu cầu HS phát biểu lại quy tắc chuyển vế .

-**5.2)Hướng dẫn tự học: 2 ph**

- Học thuộc các tính chất đẳng thức và quy tắc chuyển vế, xem các bài tập đã chữa.

- Nghiên cứu bài 10

***Tuần: 19 Ngày soạn: 10/01/2021***

***Tiết: 75 Ngày dạy: 14/01/2021***

**§10. NHÂN HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU**

**1. MỤC TIÊU:**

**1.1)Kiến thức:**

- Biết dự đoán trên cơ sở tìm ra quy luật thay đổi của một loạt các hiện tượng liên tiếp.

- Hiểu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.

**1.2) Kỹ năng:**

- Tính đúng tính chất của hai số nguyên khác dấu.

- Làm được các bài tập đơn giản.

**1.3) Thái độ:** Cẩn thận, chính xác khi thực hiện phép tính.

**2. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

Gợi mở, vấn đáp, nêu tình huống có vấn đề,...

**3. CHUẨN BỊ**

3.1) GV: Bảng phụ,thước kẻ.

3.2) HS: Ôn lại giá trị tuyệt đối của số a

**4. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**4.1) Ổn định tổ chức: 1ph**

**4.2) Kiểm tra bài cũ: 5 ph**

- Phát biểu quy tắc chuyển vế.

Áp dụng: Tìm số nguyên x biết:

|  |  |
| --- | --- |
| a) 2 - x = 17 - ( -5) | -x = 17 + 5 - 2  - x = 20  x = -20 |
| b) x - 12 = (-9) - 15 | x = -9 - 15 + 12  x = - 12 |

**4.3)Tiến trình bài học**

Giới thiệu bài : Ta đã biết nhân hai số tự nhiên có kết quả là một số tự nhiên. Vậy nhân hai số nguyên khác dấu có kết quả là một số nguyên dương hay số nguyên âmà vào bài mới.

***1. Hoạt động 1(10 phút): Nhận xét mở đầu***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Hoạt động của GV*** |
| **1. Nhận xét mở đầu**  -Khi nhân hai số nguyên khác dấu thì tích có:  +Giá trị tuyệt đối bằng tích các giá trị tuyệt đối  +Dấu là dấu ( - ) | -HS1:  ( - 3) . 4 = (-3) +(-3)+(-3)+(-3)  = -12  -HS2:  ( -5 ) .3 = (-5) + (-5) +(-5)  = - 15  -HS3:  2. ( -6) = ( -6) + ( -6) = - 12  -Hs rút ra nhận xét | Ta đã biết phép nhân là phép cộng các số hạng bằng nhau  3.4 = 3 + 3 + 3 + 3 = 12  ? Hãy thay phép nhân bằng phép cộng rồi tìm kết quả.  ( - 3) . 4  ( -5 ) .3  2. ( -6)  -Gọi 3 HS lên bảng  ? Qua các phép nhân trên khi nhân hai số nguyên khác dấu em có nhận xét gì về giá trị tuyệt đối của tích ,về dấu của tích. |
| ***2. Hoạt động 2 (17 phút): Quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu*** | | |
| ***Nội dung*** | ***Hoạt động của HS*** | ***Hoạt động của GV*** |
| **2. Quy tắc**  Muốn nhân hai số nguyên khác dấu…..đặt dấu (-) trước kết quả nhận được.  \* Chú ý sgk/89 | - HS nêu…  -HS1  a) (-5) .6 = -30  b) 9.(-3) = -27  c) (-10).11 = - 110  d) 150.(-4)= -600  -HS2  a) (-68).8 < 0  b) 15.(-3) < 15  c) (-7) .2< -7  - Hs trả lời  15.0 = 0  (-15).0 = 0  - HS đọc ví dụ và tóm tắt  Một sản phẩm làm đúng quy cách: +20000đ,  -10000 đ  Một tháng công nhân A có 40 sản phẩm đúng quy cách, 10 sản phẩm sai quy cách.  - Lương công nhân A tháng vừa qua là :  40 . 20000 + 10(-10000)  = 800000 - 100000 = 700000đ | ? Từ kết quả trên hãy nêu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu  - Gọi hai HS lên bảng làm bài tập 73, 75/89 sgk  Ví dụ tính:  15.0 = ?  (-15).0 = ?  ? Tích của một số nguyên với 0 bằng bao nhiêu  -Yêu cầu HS đọc ví dụ Sgk  - Gọi một HS lên bảng tìm số tiền của công nhân A tháng vừa qua. |

**5. Tổng kết và hướng dẫn học tập:**

**5.1) Tổng kết: 8 ph**

- Phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu

Bài tập 76/89 sgk

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| x | 5 | -18 | 18 | 0 |
| y | -7 | 10 | -10 | -25 |
| x.y | -35 | -180 | -180 | 0 |

**5.2)Hướng dẫn tự học: 2 ph**

- Học thuộc quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu. So sánh với quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu.

- Làm bài tập 74, 77/89 sgk

- Xem trước bài nhân hai số nguyên khác dấu.

Tuần 19 Ngày soạn: 10/01/2021

Tiết 76 Ngày dạy: 14/01/2021

**CHƯƠNG II: GÓC**

**§1. NỬA MẶT PHẲNG.**

C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5856\wps2.png

**1. MỤC TIÊU:**

1.1). Kiến thức:

* Học sinh hiểu về mặt phẳng, khái niệm nửa mặt phẳng bờ a, cách gọi tên của nửa mặt phẳng bờ đã cho.
* Học sinh hiểu thế nào là tia nằm giữa hai tia khác

1.2) Kỷ năng:

* Biết cách gọi tên nửa mặt phẳng, nhận biết tia nằm giữa 2 tia qua hình vẽ.

1.3) Thái độ:

* Giáo dục lòng say mê môn học.

**2. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

Nêu tình huống có vấn đề, gợi mở, vấn đáp…

**3.CHUẨN BỊ:**

3.1) Giáo viên: SGK , thước thẳng , bảng phụ, thước thẳng, phấn màu.

3.2) Học sinh: Đọc trước bài, thước thẳng.

**4) TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**4.*1) Ổn định tổ chức (1phút)***

***4.2) Tiến trình dạy học***

**Đặt vấn đề (5 phút)** :Giới thiệu về mặt phẳng: Biểu tượng mặt phẳng là trang giấy, mặt bảng. Chúng ta đã vẽ nhiều đường thẳng, nhiều điểm trên trang giấy. Những biểu tượng đó hàm ý nói: Trong hình học phẳng, mặt phẳng là hình cho trước, là tập hợp điểm trên đó ta nghiên cứu hình nào đó (đường thẳng, đoạn thẳng, tia, góc, …) Mỗi hình này là 1 tập hợp con của mặt phẳng. Mặt phẳng là hình cơ bản, không định nghĩa. Mặt phẳng không giới hạn về mọi phía.

**Hoạt động 1 (12 phút):** **Nửa mặt phẳng bờ a**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| \* Định nghĩa: (SGK-72)  C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5856\wps3.png  Chú ý: Hai nửa mặt phẳng có chung bờ được gọi là 2 nửa mặt phẳng đối nhau.  Bất kì đường thẳng nào nằm trên mặt phẳng cũng là bờ chung của hai nửa mặt phẳng đối nhau.  C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5856\wps4.png | Mặt phẳng không giới hạn về mọi phía.  Hai phần riêng biệt.  Đọc định nghĩa (SGK-72)  C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5856\wps5.png  Giới thiệu 2 nửa mặt phẳng đối nhau: (như SGK).  Vẽ đường thẳng b lên bảng  Nửa mặt phẳng (II) là nửa mặt phẳng bờ a chứa điểm P hoặc nửa mặt phẳng bờ a không chứa điểm N.   * Nửa mặt phẳng bờ xy chứa điểm E hoặc nửa mặt phẳng bờ xy không chứa điểm F. * Nửa mặt phẳng bờ xy chứa điểm F hoặc nửa mặt phẳng bờ xy không chứa điểm E. | Mặt trang giấy, mặt bảng, mặt tường phẳng, mặt nước lặng sóng là hình ảnh của mặt phẳng.  Mặt phẳng có giới hạn không?  Đường thẳng a chia mặt phẳng thành mấy phần?  Mỗi phần đó cùng với đường thẳng a là một nửa mặt phẳng bờ a.  Thế nào là 1 nửa mặt phẳng bờ a?  Chỉ rõ từng nửa mặt phẳng bờ a trên hình..  Vẽ đường thẳng xy, chỉ rõ từng nửa mặt phẳng bờ xy trên hình?  Giới thiệu chú ý.  Để phân biệt hai nửa mặt phẳng chung bờ a người ta thường đặt tên cho nó.  Giới thiệu cách gọi tên nửa mặt phẳng.  Nửa mặt phẳng (I) là nửa mặt phẳng bờ a chứa điểm M hoặc nửa mặt phẳng bờ a không chứa điểm P.  Tương tự em hãy gọi tên nửa mặt phẳng bờ a còn lại trên hình vẽ?  Đọc tên nửa mặt phẳng trên hình vẽ sau:  C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5856\wps6.png |
| **Hoạt động 2 (10 phút): Tia nằm giữa hai tia** | | |
| **Nội dung** | **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5856\wps7.png    \* BT 3 (73): Điền từ.  a) Bất kì đường thẳng nào nằm trên mặt phẳng cũng là bờ chung của 2 nửa mặt phẳng đối nhau.  b) Cho 3 điểm O, A, B không thẳng hàng. Tia Ox … giữa 2 tia OA, OB khi tia Ox cắt đoạn thẳng AB tại 1 điểm nằm giữa A và B. | Bốn HS lên bảng vẽ hình, dưới lớp quan sát và nhận xét.  Có. Tia Oz cắt MN tại O.  Hình b và c tia Oz không cắt MN.  Hình d tia Oz cắt MN tại O | Yêu cầu HS :   * Vẽ ba tia Ox; Oy; Oz chung gốc. * Lấy hai điểm M; N sao cho M Î tia Ox , OM ¹ 0; N Î tia Oy , ON ¹ 0. * Vẽ đoạn thẳng MN.   Cho HS hoạt động cá nhân vẽ hình trong 4 phút, sau đó gọi HS lên bảng vẽ hình.  Quan sát hình a và cho biết tia Oz có cắt đoạn thẳng MN không?  Tia Oz cắt MN tại một điểm nằm giữa M và N, ta nói tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy.  Quan sát hình b; c; d và cho biết tia Oz có cắt đoạn thẳng MN không?  Hình b và c tia Oz không cắt đoạn thẳng MN nên tia Oz không nằm giữa hai tia Ox và Oy.  Hình d tia Oz cắt đoạn thẳng MN tại O nên tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy.  Chốt lại:  - Cách nhận biết tia nằm giữa 2 tia  - Cách nhận biết tia không nằm giữa 2 tia. |

***Hoạt động 3(15 phút): Củng cố, luyện tập (12 phút)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hãy nêu một số hình ảnh của mặt phẳng trong thực tế?  Đưa ra bảng phụ ghi đề bài 3, cho HS suy nghĩ làm bài trong 3 phút.  Làm bài 3?  Đưa ra BT: Hãy chỉ ra tia nằm giữa hai tia còn lại? giải thích?  C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\ksohtml5856\wps8.png | HS lấy ví dụ về mặt phẳng.  Hoạt động cá nhân làm bài 3.  Một HS lên bảng làm, dưới lớp làm vào vở.  Hình a tia Oa’ nằm giữa hai tia Oa và Oa”.  Hình b không có tia nào nằm giữa hai tia còn lại.  Hình c tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy. Vì tia Oz cắt đoạn thẳng AC tại O. | Bài 3 (SGK - 73)  a) Nửa mặt phẳng đối nhau.  b) đoạn thẳng AB tại một điểm nằm giữa A và B. |

***5) TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ(5 phút)***

***5.1) Tổng kết:***

- Nắm được định nghĩa nửa mặt phẳng bờ a, tia nằm giữa hai tia.

**5.2) Hướng dẫn về nhà**

* Học bài theo SGK.
* Nhận biết được nửa mặt phẳng và tia nằm giữa hai tia khác.
* Làm BT 4; 5(SGK 73) ; 1;4;5 (SBT - 52).
* Đọc trước bài mới.